

VỀ PHẨM GIÁ CON NGƯỜI

Murata Yasuo¹

Người dịch: Vũ Hương Linh

Ngay trong Lời nói đầu của Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền, khái niệm “phẩm giá” đã được nhắc đến như sau: “Việc thừa nhận phẩm giá cố hữu, các quyền bình đẳng và không thể tước bỏ của mọi thành viên trong gia đình nhân loại là cơ sở của tự do, công bằng và hòa bình trên thế giới;”. Tiếp theo, tại Điều 1 của Tuyên ngôn này, “phẩm giá” lại một lần nữa xuất hiện: “Mọi người sinh ra đều tự do và bình đẳng về phẩm giá và các quyền”. Rõ ràng, phẩm giá là một khái niệm có liên quan chặt chẽ tới nhân quyền nhưng cụ thể đó là khái niệm có nội hàm như thế nào và mối liên hệ giữa khái niệm này với khái niệm nhân quyền được thể hiện ra sao. Đó chính là nội dung bài viết sau đây (trích trong tác phẩm “Nhân quyền: nguyên lý và triển khai”, do Akashishoten xuất bản năm 2005) của tác giả Nhật Bản, giáo sư Murata Yasuo – Viện trưởng Viện Nghiên cứu Nhân quyền Wakayama, Nhật Bản.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Quan niệm về phẩm giá con người là căn cứ của nhân quyền

Một nhà nghiên cứu về hiến pháp cho rằng: “Nhân quyền cơ bản là những quyền lợi mà con người đương nhiên được hưởng vì nó cần thiết cho việc đảm bảo tự do và sinh tồn của con người như những cá nhân độc lập cấu thành nên xã hội và duy trì phẩm giá của con người, trên cơ sở chấp nhận tiên đề này, hiến pháp xác nhận những quyền lợi có thể cho rằng đã hình thành từ trước khi có hiến pháp, như là những quyền lợi xác thực, hợp pháp”². Đây là một cách giải thích khá bao quát về nhân quyền cơ bản của con người từ góc độ pháp luật. Tức là, nhân quyền cơ bản là những quyền lợi đã có từ trước khi có hiến pháp, căn cứ

trên những quyền lợi tự nhiên bắt nguồn từ phẩm giá của con người và được hiến pháp xác nhận như là những quyền lợi xác thực và hợp pháp.

“Nhân quyền là quyền lợi mà một con người đương nhiên được hưởng trên cơ sở là một con người, không phân biệt chủng tộc, giới tính và thành phần xuất thân” vì vậy nhân quyền mang tính phổ biến. Tuy nhiên về tính bất khả xâm phạm của nhân quyền thì các học giả vẫn bảo lưu một số điều kiện như sau.

Nhân quyền không có ý nghĩa vô hạn tuyệt đối. Giống như điều 4 của Tuyên ngôn nhân quyền Pháp năm 1789 quy định “Tự do tồn tại ở những gì tạo nên tất cả những cái không gây hại cho người khác”, nhân quyền là thứ mang tính xã hội có những chế ước nhất định³.

Nhân quyền này sinh trong quan hệ giữa người và người; từ tính cách bảo vệ

¹ Viện Nghiên cứu Nhân quyền Wakayama, Nhật Bản.

² *Hiến pháp*, xuất bản lần thứ ba, Iwanamishoten, 2002.

³ *Hiến pháp*, Sách đã dẫn.

phẩm giá cho con người với tư cách là một thành viên của xã hội hay một tồn tại xã hội mới sinh ra vấn đề phẩm giá con người trong tồn tại xã hội, vấn đề tính xã hội của quan niệm phẩm giá con người chính là nền tảng của tính xã hội của nhân quyền.

1.2. Phẩm giá con người là tiêu chuẩn phán đoán

Khi vấn đề gốc rễ của tồn tại người được đặt ra, ví dụ trong trường hợp đồng ý hay không đối với “con người nhân bản”, thì chính phẩm giá con người sẽ là một tiêu chuẩn phán đoán. Năm 1996, con cừu nhân bản đầu tiên Dolly ra đời ở Anh. Sự liên tưởng từ con cừu Dolly đã khơi dậy cuộc tranh luận về đồng ý hay không đồng ý đối với khả năng và tác động của sự ra đời của con người nhân bản. Đã có nhiều ngộ nhận đối với sự ra đời của con người nhân bản, thực ra chưa đến giai đoạn phải bàn cãi trên hiện thực về sự kiện chưa xảy ra này, nhưng tranh luận vẫn cứ diễn ra một cách tiên phong. Trong giai đoạn hiện nay, khi chưa thể xác minh được tính an toàn về kỹ thuật khi sinh ra con người nhân bản thì rõ ràng là không thể bàn cãi gì được. Nhưng nếu đặt chuyện này sang một bên thì có thể thấy một điều đáng chú ý là, việc tán đồng hay phủ định con người nhân bản sôi nổi một thời đã được bàn cãi trên cơ sở tiêu chuẩn là phẩm giá con người. Tức là, những người phản đối việc sản sinh ra con người nhân bản đã dựa trên lý do là làm tổn thương đến phẩm giá con người, và người chấp nhận có điều kiện việc sản sinh ra con người nhân bản cũng đã luận chứng rằng việc đó (nhân bản người) không nhất thiết làm tổn hại đến phẩm giá của con người. Cả hai phía khi tán đồng hay phủ định con người nhân bản

đều lấy phẩm giá con người ra làm tiêu chuẩn phán đoán.

Năm 1966, trong Lời nói đầu của Công ước Quốc tế về Nhân quyền của Liên hiệp quốc, thông qua trong Đại hội lần thứ 21 Liên hiệp quốc, có ghi rằng nhân quyền “sinh ra từ phẩm giá cố hữu của con người”, như vậy cũng có thể thấy phẩm giá của con người là nền tảng của nhân quyền đã được công nhận một cách xác đáng trên trường quốc tế.

II - PHẨM GIÁ CON NGƯỜI Ở CẤP ĐỘ CÁ NHÂN

2.1. Định nghĩa

Chủ tịch hội đồng tư vấn về luân lý sinh mạng của Pháp đã phát biểu như sau:

Hội đồng cho rằng nhân bản người là sự vi phạm phẩm giá con người. Phẩm giá con người có hai điểm. Thứ nhất, con người là một tồn tại độc nhất vô nhị. Thứ hai, con người không phải là tồn tại có thể được quyết định trước. Việc nhân bản người đụng chạm đến cả hai vấn đề. Tóm lại, con người không thể bị biến thành một tồn tại có thể được thay thế⁴.

Ở đây, trên lập trường không chấp nhận nhân bản người vì đi ngược lại phẩm giá con người đã có định nghĩa về phẩm giá con người. Tuy nhiên, cũng có người chủ trương chấp nhận với điều kiện nhân bản người (nếu như cho rằng thành công) không vi phạm phẩm giá – tính duy nhất – của con người khi nó không hoàn toàn đồng nhất với con người vốn có (không nhân bản). Như vậy, nếu chúng ta gác cuộc tranh luận có tán đồng hay không việc nhân bản người sang một bên, chúng ta sẽ có thể suy nghĩ về phẩm

⁴ Kamimura, trong *Luân lý của con người nhân bản*, Misuzushobo.

giá của con người.

Định nghĩa này đề cập đến tính duy nhất và tính tự lập. Trong tính độc nhất vô nhị, con người được đề cập là có một không hai ở đây là con người được hiểu theo nghĩa cá nhân hơn là loài. Thứ hai, tồn tại được quyết định trước trong “con người không phải là tồn tại có thể được quy định trước” có thể được hiểu là, nếu con người là một tồn tại mà mọi thứ đều được quyết định trước khi sinh thì có nghĩa là tự mình không thể quyết định được tương lai của mình. Do đó sẽ không có tính độc lập, tự lập, tự mình quyết định về mình. Như vậy cho nên mới khẳng định rằng phẩm giá của con người tồn tại ở sự tồn tại độc lập, tự mình quyết định vận mệnh của mình chứ không phải là con người (cá thể) như một tồn tại được quyết định sẵn.

Một cơ sở của phẩm giá con người vốn bắt nguồn từ cơ sở sinh vật, đó là tính duy nhất, tính độc lập về dạng thức tồn tại con người, tức là mình là mình chứ không phải là bất cứ ai khác. Liên quan đến điều này, học giả Nakamura viết:

Tế bào sinh sản là tinh trùng và trứng sinh ra ở đây không phải là sự kế thừa nguyên bản những cặp nhiễm sắc thể của cha mẹ mà là một sự kết hợp đa dạng hơn. Tế bào sinh sản hình thành như thế rất đa dạng nên cùng là những đứa con từ một cha mẹ sinh ra nhưng kế thừa gen di truyền nào từ cha hay mẹ lại là điều hoàn toàn khác nhau. Tức là sự đa dạng hóa. Chính vì thế mới sinh ra sự khác nhau giữa từng người một.

Trong giai đoạn tế bào bội thể thì không có khái niệm “cá thể”. Dạng thức của các cặp nhiễm sắc thể trong đó hay cách tồn tại thành dãy liên tục của tế bào

chỉ là dạng tồn tại của dãy ADN mà thôi. Tuy nhiên, việc sinh ra từ trứng thụ tinh hình thành trong quá trình sinh sản hữu tính chính là cá thể, hơn nữa, nếu kể cả quá trình phát sinh thì chính là một tồn tại có một không hai, không thấy ở bất kỳ ví dụ cùng loại nào⁵.

Tính duy nhất của tồn tại người là quan điểm bao hàm tính phẩm giá của những người, điển hình như người khuyết tật nặng cả về cơ thể và tâm thần, hay nói khác đi là phẩm giá con người như là quyền tự nhiên.

Như trên đã trình bày, phẩm giá con người với tư cách là con người cá thể nằm ở hai điểm, một là tồn tại người là duy nhất, độc đáo và hai là tồn tại người có tính tự lập, sau đây chúng ta sẽ xem xét vấn đề con người là một tồn tại có tính tự lập. Quan niệm cho rằng tồn tại người là duy nhất, là tồn tại quý giá nhất chính là điều kiện cần thiết hình thành nên khái niệm phẩm giá con người có chung của tất cả mọi người. Yếu tố tồn tại độc lập, tự mình quyết định, thực hiện với trách nhiệm của mình là cái tăng cường cho quan niệm phẩm giá con người. Cá nhân đảm bảo phẩm giá con người có thể được biểu hiện bằng từ “nhân cách” - như là một cá thể có ý chí tự lập, biết tự mình quyết định. Với ý nghĩa đó, phẩm giá con người được biểu hiện như là phẩm giá của nhân cách.

Cũng cần lưu ý một điều là, đương nhiên, ngay đối với những người khuyết tật nặng cả về cơ thể và tinh thần vẫn phải giữ phẩm giá con người. Phẩm giá đó xuất phát từ “tồn tại duy nhất, quý giá nhất”, vì thế cho dù ở trong tình trạng không thể tự thể

⁵ Nakamura, *Thế giới của sinh mạng chí*, Thư viện NHK.

hiện rõ ràng ý chí tự lập và năng lực tự mình quyết định thì phẩm giá của họ vẫn là điều không thể đảo ngược.

2.2. Tính độc lập theo Kant

Kamimura đã giải thích tư tưởng liên quan đến tính tự lập của Kant như sau.

Cái nằm ở trung tâm của quan điểm về phẩm giá con người chính là quan điểm về con người là một tồn tại mang tính tự lập (autonomic). Chính Kant là người đã đưa khái niệm “phẩm giá con người”, vốn là một quan niệm của tôn giáo, vào trong khái niệm “tự lập” theo lập trường phi tôn giáo⁶.

Nguyên lý đạo đức mà Kant đưa ra được đặt tên là “định ngôn mệnh pháp”. Công thức chung nhất của nó là “hãy hành động chỉ tuân theo những nguyên tắc có khả năng trở thành những nguyên tắc phổ biến”. Điều đó được cấu thành bởi 3 yếu tố là 1) hãy hành động tự do, theo ý chí của bản thân; 2) có phương châm hành động cá nhân (gọi là nguyên tắc) và tuân theo nó; 3) nguyên tắc này là nguyên tắc luôn có khả năng phổ biến hóa (tính phổ biến). Nói khác đi, đó là 3 yếu tố: tính tự quyết, tính nguyên tắc và tính phổ biến. Điều quan trọng nhất là khả năng trở thành phổ biến. Một cách đơn giản có nghĩa là những nguyên tắc mà mọi người đều hành động tuân theo đó thì cũng không xảy ra mâu thuẫn. Ví dụ, đưa ra nguyên tắc “không trả lại cái đã vay” và nếu mọi người cùng vận dụng nguyên tắc này thì sẽ chẳng có ai cho vay nữa. Hơn nữa, không trả cũng có nghĩa là chiếm đoạt, vì thế bản thân khái niệm “vay” chỉ thành lập với tiền đề là “trả” sẽ rơi vào tự mâu thuẫn. Do đó, nguyên tắc

này không thể được vận dụng. Ngược lại, nguyên tắc “trả lại cái đã vay” thì có thể trở thành phổ biến vì cho dù mọi người đều vận dụng nguyên tắc này thì cũng không có vấn đề gì xảy ra.

Ở Kant, tính tự lập được coi là cơ sở của phẩm giá con người. Ông đã đặt cơ sở của phẩm giá của con người ở tính tự lập chứ không phải ở các giá trị truyền thống phong kiến như là ruộng vườn và địa vị, với việc đó ông đã đặt nền tảng cho sự bình đẳng và phẩm giá của mọi nhân cách.

Quan điểm phẩm giá con người, ở đây, xuất phát từ quan điểm giá trị mang tính cá nhân nhưng cá nhân này ít nhất là khác với chủ nghĩa vị lợi, ích kỷ ở chỗ tôn trọng nhân cách và quyền lợi của người khác giống như quyền lợi và nhân cách của mình.

2.3. Đa dạng hóa

Nếu sinh sản theo kiểu phân chia tế bào trong sinh sản đơn tính thì dù có sinh sản nhiều đến đâu các cá thể sinh ra cũng đều giống nhau và sẽ không mang tính đa dạng. Thế nhưng, các tế bào sinh sản hình thành nhờ sinh sản hữu tính sẽ được đa dạng hóa cho nên trong trường hợp loài người, mỗi người sinh ra một khác nhau. Tức là sự đa dạng hóa ở một giai đoạn nào đó là nguyên nhân sinh ra tồn tại khác nhau của mỗi cá thể. Đa dạng hóa sinh ra cá thể và cá thể do tồn tại với đặc trưng tồn tại tự lập nên tạo được sự đa dạng hóa và tính đa dạng phong phú. Việc khẳng định cá thể chỉ là cá thể mà không quan tâm đến đa dạng hóa và mối quan hệ với đa dạng hóa thì chỉ là một việc phi hiện thực và vô nghĩa.

Nakamura đã luận về tầm quan trọng của ý nghĩa đa dạng hóa đối với sinh vật như sau:

⁶ Kamimura, *Luận lý của con người nhân bản*, Misuzushobo.

Đa dạng hóa có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sinh vật. Thứ nhất đó là khả năng sinh ra một cái hoàn toàn mới sau nhiều nỗ lực, nếu không có tính đa dạng hóa này có lẽ cũng không có sự tồn tại của sinh vật là con người. Thứ hai là khả năng thích ứng với sự biến đổi không ngừng của môi trường. Khi đạt được cân bằng (đẳng nhất hóa) cũng là khi xuất hiện nguy cơ biến mất mọi thứ khi xuất hiện môi trường khó thích ứng. Vì thế, an toàn chính là sự đa dạng hóa để có thể kéo dài sự sống. Hơn nữa, một cách cụ thể cũng xuất hiện tư tưởng vứt đi những cái có hại⁷.

Nakamura còn nhấn mạnh rằng khả năng sinh ra cái mới không đơn giản chỉ là tính đa dạng mà cá thể sinh ra ở đó có những cặp nhiễm sắc thể có sự kết hợp hoàn toàn mới chưa từng có từ trước đến nay.

Giống như chủ nghĩa cá nhân, việc nhấn mạnh giá trị sinh ra từ sự tồn tại của cá thể là chính đáng. Hơn nữa, phẩm giá con người xuất phát từ sự tồn tại độc nhất vô nhị mang tính phổ biến trong xã hội là một điều vô cùng quan trọng.

Cùng với tính cá thể và độc lập lại có tính phổ biến, ở đây có thể thấy rõ khái niệm phẩm giá mang tính quan niệm rất cao.

III. PHẨM GIÁ CON NGƯỜI Ở CẤP ĐỘ TỒN TẠI XÃ HỘI

Nếu là đồ vật thì con người tự do sở hữu và xử lý nhưng con người không thể trở thành đối tượng của sở hữu hay tài sản được. Vậy một phần cơ thể của con người thì sao? Trong thời hiện đại, do kỹ thuật y học phát triển có thể cắt rời để sử dụng một phần cơ thể con người, vì vậy

cũng cần phải tách rời con người với cơ thể con người ra để suy nghĩ. Khi đó, vấn đề là phẩm giá con người cần được bảo vệ trong việc xử lý cơ thể con người, và đi liền với đó là quyền con người ở đây là gì? Luận điểm cơ bản ở đây là, có thể phó mặc ở mức nào cho từng cá nhân về tự do và quyền lợi đối với việc giao dịch bộ phận cơ thể, và xã hội thì căn cứ trên cơ sở nào để có thể hạn chế việc này đến đâu?

Đối với câu hỏi này, có hai loại lập trường cơ bản là lập trường của Mỹ và châu Âu. Quan điểm của Mỹ cho rằng vì nhân quyền là quyền lợi và tự do cá nhân nên việc sử dụng các bộ phận cơ thể mình như thế nào là tự do của bản thân người đó, tức là chấp nhận quyền xử lý theo nghĩa rộng của cá nhân đó.

Khi xem xét các trường hợp nên hay không nên của kỹ thuật ghép tạng hay sinh sản như cung cấp trứng hoặc đẻ thuê, thường hay có những lập luận như “có người muốn nhận thì cũng có người muốn cho và nếu có kỹ thuật biến đổi đó thành hiện thực thì biệc thực hiện sẽ không có vấn đề gì. Nếu các đương sự nhất trí thì người thứ ba không được phép xen vào”. Điều này đặt nặng nhất vào quyền tự quyết của đương sự vì vậy có thể nói lập trường kiểu Mỹ là căn cứ trên khái niệm nhân quyền kiểu Mỹ, ưu tiên lợi ích ngoài xã hội. Ở đó tự lập và tự lực chính là phẩm giá con người, việc mất đi tính tự chủ trở thành trạng thái mất đi phẩm giá con người⁸.

Ngược lại với lập trường này có những nghi vấn và lo lắng về việc liệu các đương sự nhất trí thì có thể coi tất cả là

⁷ Nakamura, *Thế giới của sinh mạng chi*.

⁸ *Con đường trị liệu tiên tiến*, Kodanshagendaishinsho.

chính đáng hay không, nếu chấp nhận như vậy thì chẳng phải là khi khoa học kỹ thuật phát triển thì bản chất của dạng thức sinh mạng của con người cũng bị bóp méo hay sao? Từ đó mới có quan điểm cần phải hạn chế ở một chừng mực nào đó tự do và quyền lợi cá nhân, và quan điểm cho rằng trong nhân quyền cần được bảo vệ cũng có mặt trật tự công cộng vượt lên trên ý chí cá nhân.

Tại những nước quan trọng trong lục địa châu Âu, mặc dù cũng có những khác biệt trong mức độ và chính sách thực tế nhưng giữa các nước này đều có chung quan điểm nhấn mạnh quyền con người như là một trật tự công cộng đối với quyền lợi cá nhân. Khác với quan niệm xã hội khế ước kiểu Mỹ, cho rằng xã hội hình thành từ các cá nhân có ý chí khác nhau, xã hội ở đây (kiểu châu Âu) là tồn tại độc lập vượt quá từng cá nhân và có lẽ từ bối cảnh đó mới có quan niệm xã hội mang tính thể cộng đồng trong đó con người được sinh ra⁹.

Khái niệm nhân quyền kiểu châu Âu như vậy được vận dụng vào toàn bộ việc xử lý cơ thể người, đi đầu là nước Pháp đã luật hóa thành luật luân lý sinh mạng Pháp. Luật này, “có nội dung có thể nói là như một “Tuyên ngôn nhân quyền cơ thể” đã đưa tính phẩm giá của cơ thể vào luật dân sự như một quyền con người cơ bản. Có thể nói rằng cơ thể con người không phải là đồ vật, phẩm giá con người được đặt vào vị trí như là đối tượng cần được bảo vệ đặc biệt”¹⁰.

Gen di truyền cũng trở thành đối tượng cần bảo vệ bằng pháp luật. Có thể thấy ở đó có nhận thức gen di truyền là

sở hữu của toàn thể nhân loại, không phải là của từng cá nhân. Luật Luân lý sinh mạng có đoạn:

Một vài người không được quyền xâm phạm đến tính nhất thể (intégrité) về loài của con người. Cấm mọi thực tiễn về ưu sinh học nhằm tổ chức hóa việc tuyển chọn con người. Ngoài trừ những nghiên cứu phòng bệnh và trị liệu bệnh di truyền, cấm không được làm mới hình chất di truyền nhằm mục đích cải tạo con cháu của con người¹¹.

Quan điểm cơ bản của tư tưởng nhân quyền về cơ thể người chi phối Luật Luân lý sinh mạng Pháp như sau.

Trong nghiên cứu khoa học sinh mạng - y học và ứng dụng lâm sàng, việc bảo vệ nhân quyền thông qua bảo vệ cơ thể người là lợi ích quan trọng liên quan đến trật tự xã hội, vì thế tự do của cá nhân cũng cần phải có hạn chế. Trật tự công mà không được bảo vệ thì tự do và quyền lợi cá nhân cũng không được bảo vệ¹².

Nguyên tắc luân lý trong khoa học sinh mạng - y học là *được sự đồng ý, không mất tiền và bí mật danh tính* chủ yếu là nhằm bảo vệ phẩm giá con người của cá nhân nhưng vẫn có những trường hợp cho dù muốn cũng không thể. Việc sinh ra con người nhân bản chính là một ví dụ. Lý do không chấp nhận được ở đây đúng là vì việc đó làm tổn hại tới phẩm giá con người. Trong trường hợp này loài người với tư cách là tồn tại xã hội đã bị tổn hại về phẩm giá. Có thể nêu ra một vài trường hợp cụ thể như sau.

1) Cấm nhân bản và trị liệu di truyền các tế bào sinh sản phát sinh từ phàn đoán sẽ làm biến đổi một cách nhân tạo

⁹ *Sđđ.*

¹⁰ *Sđđ.*

¹¹ *Sđđ.*

¹² *Sđđ.*

hình chất di truyền của loài chứ không phải cá nhân.

2) Việc hạn chế chặt chẽ những nghiên cứu lai tạp giữa người và động vật cũng xuất phát từ suy nghĩ làm tổn hại đến tính toàn vẹn về loài của con người.

3) Việc hạn chế lấy đi những bộ phận hay tổ chức trong cơ thể người đang sống cũng là nhằm bảo vệ trật tự toàn xã hội không có sự can thiệp bất chính vào cơ thể, thông qua việc bảo vệ cơ thể người của đương sự.

4) Việc cấm buôn bán cơ thể người cũng có nghĩa là hạn chế tự do khế ước trên danh nghĩa trật tự xã hội chứ không chỉ nhằm bảo vệ cá nhân.

Khác với khái niệm nhân quyền của Mỹ đặt quyền tự quyết của cá nhân và quyền riêng tư lên trên hết, khái niệm nhân quyền châu Âu vừa đặt nặng vào quyền tự quyết của cá nhân vừa duy trì nhân quyền và tính phẩm giá con người do đó có thêm những hạn chế nhất định. Ví dụ trong khi một số bang của Mỹ chấp nhận việc đẻ thuê như một hình thức kinh doanh, thì ở Anh, Pháp và Đức từ quan điểm trật tự công cộng và hạnh phúc của đứa trẻ được sinh ra, người ta đã cấm hình thức đẻ thuê cho dù có vì mục đích kinh doanh hay không. Ngay cả việc sử dụng kỹ thuật có liên quan trực tiếp tới xử lý thông tin về gen có phải hoàn toàn là tự do cá nhân hay không cũng có nhiều ý kiến phản đối, vì thế việc sử dụng đó cũng bị hạn chế¹³.

IV. PHẨM GIÁ CỦA SINH MẠNG VÀ PHẨM GIÁ CON NGƯỜI

Phẩm giá con người được coi là bắt

nguồn từ phẩm giá về sinh mạng nên trong khái niệm gọi là phẩm giá con người bao hàm hai ý nghĩa, phẩm giá về sinh mạng và phẩm giá con người. Quan niệm phẩm giá sinh mạng trong xã hội con người được quán triệt như là quan niệm phẩm giá con người. Tức là quan niệm gọi là phẩm giá con người có ý nghĩa là phẩm giá của dạng thức tồn tại người trong xã hội của con người. Morioka nói về bản chất của sinh mạng như sau.

Thiết chế quyền lực chi phối sinh mạng không nằm ở hệ thống xã hội bên ngoài. Nó tiềm tàng bên trong cơ thể của tôi đang sống ở đây lúc này như một sinh mạng. Một sinh mạng đang sống có nghĩa là sinh mạng đó vừa sống trong sự giúp đỡ, hòa hợp với các sinh mạng khác vừa sống trong chi phối, thực thi áp chế, và cả bạo lực đối với sinh mạng khác. Nguyên lý áp chế sinh mạng này có trong chính bên trong sinh mạng¹⁴.

Morioka đã khắc họa được chân dung phức tạp của việc sống như là một sinh mạng: vừa giúp đỡ hòa đồng với sinh mạng khác vừa áp chế và chi phối sinh mạng khác.

Việc sống như là một sinh mạng không phải là vấn đề chỉ cần nhấn mạnh đến mặt cộng sinh nhất thể và hòa đồng giữa con người và thiên nhiên bao hàm cả sinh mạng khác. Con người với tư cách là một cá thể sinh mạng cho đến nay đã kéo dài cuộc sống của mình bằng cách giết và ăn thịt những sinh vật khác. Cùng với việc tìm cách cộng sinh và hòa đồng tốt đẹp như là một bản tính của sinh mạng, chúng ta cũng không được

¹³ *Ưu sinh học và xã hội con người*, từ bản tiếng Anh là *Thế kỷ của khoa học sinh mạng đang đi đến đâu?* Kodansha.

¹⁴ Morioka, *Xem xét lại quan điểm sinh mạng*, Chikumashinsho.

quên rằng còn có những mặt trái khắc nghiệt và tàn khốc.

Phẩm giá sinh mạng là quan niệm không chỉ liên quan đến sinh mạng con người mà còn cả sinh mạng của các sinh vật khác. Chắc chắn là còn có cả phẩm giá sinh mạng của các sinh vật khác, nhưng cho đến nay con người vì sự sinh tồn của bản thân đã cướp đi và ăn thịt sinh mạng của các sinh vật ngoài con người. Dưới danh nghĩa sinh tồn của bản thân đã có tư tưởng biện minh (chính đáng hóa) cho việc giết và ăn thịt những sinh vật khác, tư tưởng đó được gọi là “chủ nghĩa trung tâm con người”. Tư tưởng này cho rằng, con người là một tồn tại đặc biệt so với các sinh vật khác ngoài con người và các sinh vật khác tồn tại vì con người. Do đó con người có thể giết thịt các sinh vật khác vì sự sinh tồn của mình. Đây chính là cách lý giải cực đoan của chủ nghĩa trung tâm con người. Ngay cả về quan niệm phẩm giá sinh mạng, giữa con người và sinh vật khác cũng có những tư tưởng biện minh cho sự khác nhau về giá trị sinh mạng.

Tuy nhiên, đối với quan điểm con người là một tồn tại đặc biệt có quyền được sống để không tôn trọng quyền sống của sinh vật khác - chính là chủ nghĩa trung tâm tập thể mình, xử lý đặc biệt chỉ với tập thể mình - đương nhiên sẽ có sự phê phán rằng, đó chẳng qua cũng chính là tư tưởng phân biệt đối xử giống như phân biệt chủng tộc.

4.1. Luận thuyết Person

Chủ nghĩa trung tâm con người không chỉ dừng ở quan hệ giữa người và sinh vật khác. Nó còn có cơ cấu ở việc quy định một bộ phận con người trong xã hội không phải là con người để loại trừ những người đó. Một ví dụ điển hình là

Luận thuyết Person.

Đây là một trong những luận thuyết của luân lý sinh mệnh “là học thuyết chia con người theo nghĩa sinh vật học ra thành con người (person) có ý thức bản ngã và lý tính và phi-con người không có những điều đó và từ đó cho rằng sinh mạng của con người có giá trị cao hơn phi-con người¹⁵. Nhân cách được coi là “tồn tại có ý thức bản ngã và lý tính”, “ví dụ bào thai không phải là nhân cách nên có thể nạo thai, hoặc trẻ sơ sinh bị chứng bại não không phải là nhân cách nên có thể cho phép đình chỉ chữa trị, hơn nữa những người trong trạng thái não chết nếu không phải là nhân cách thì được phép tháo gỡ những dụng cụ duy trì sự sống khỏi cơ thể họ”¹⁶.

Luận thuyết Person bị phê phán rất nhiều nhưng chủ đề chính của nó đơn giản chỉ là phép nhị phân phân biệt giữa người và vật.

Luận thuyết Person chủ yếu dựa trên tiền đề là phép nhị phân giữa người và vật, trong đó vật được coi là cái không có nhân cách. Dưới ảnh hưởng của phép nhị phân đơn thuần này, tất cả những gì không phải là nhân cách đều bị quy thành vật. Vật không những không cần thiết được chấp nhận quyền sinh mạng mà còn bị con người tự do xử lý (Kato). Do đó bào thai nếu không phải là nhân cách thì sẽ chỉ là vật giống như ruột thừa có thể cắt bỏ. Tuy nhiên, đối với người mẹ khi cảm thấy thai máy thì cho rằng đó là *con mình* đang động đậy, và như

¹⁵ Morioka, *Khoa học sinh mạng có thể làm được gì, ...shobo.*

¹⁶ Kato, *Dành cho những người học luân lý học sinh mạng, Sekaishisoshia.*

vậy bào thai nhất định không phải là vật. Hơn nữa, ngay cả những cơ thể trong tình trạng não chết thì đối với những người trong gia đình họ vẫn là một thành viên thân thiết, quyết không phải là vật.

Vậy trong quan điểm về con người là hạt nhân của Luận thuyết Person, việc có ý thức bản ngã và lý tính cũng như có thể biểu đạt bằng lời về mối quan tâm đến ích lợi của bản thân sẽ là tiêu chí phân biệt giữa người và con vật. Những người có khả năng này trong Luận thuyết Person được gọi là con người để phân biệt với những tồn tại khác. Luận thuyết này có một thái độ quá lạnh lùng đối với những con người bị coi là mất ý thức bản ngã và lý tính. Về điều này Morioka nói:

Dựa vào ánh mắt, giao tiếp và sự nuôi dưỡng lẫn nhau của những người xung quanh coi trọng một người nào đó như một tồn tại quý giá không gì thay thế mà người đó sinh sống và trưởng thành trong xã hội như là một tồn tại có phẩm giá. Một khi con người đó sinh thành như một tồn tại có phẩm giá thì đến lượt mình người đó sẽ khắc một dấu không thể đảo ngược cảm giác tồn tại của bản thân vào trong cái mắt lưới của sự ràng buộc lẫn nhau bao quanh người đó¹⁷.

Morioka đã khảo sát vấn đề phẩm giá con người như là một dạng thức hiện thực trong tính quan hệ giữa người và người chứ không phải là sự tách biệt lạnh lùng.

4.2. Tương đối hóa phẩm giá con người

Làm thế nào để quan niệm phẩm giá con người vừa dựa trên quan niệm của phẩm giá sinh mạng vừa không bị rơi vào

chủ trương độc thiện bản thân, chủ trương coi con người có quyền lợi ưu thế hơn các sinh vật khác. Liệu có con đường nào vừa bảo vệ được phẩm giá con người lại vừa bảo vệ được phẩm giá của các sinh mạng ngoài con người không. Tác giả cho rằng để cân bằng hai vấn đề phẩm giá con người và chủ nghĩa trung tâm con người, cần thiết phải có sự tương đối hóa phẩm giá con người và quan điểm cộng sinh với những sinh vật khác ngoài con người. (Cộng sinh ở đây không theo nghĩa mọi thứ đều chia đôi lợi ích mà theo nghĩa vươn tới cộng sinh trong sự nỗ lực hết mình nhằm đến quan điểm cộng sinh cho dù có sự bắt buộc có hạn chế).

Tương đối hóa phẩm giá con người có nghĩa là vừa xác nhận phẩm giá con người trong xã hội con người vừa không lợi dụng phẩm giá con người để đứng vào vị trí ưu thế đối với sinh vật khác, tức là đặt con người vào vị trí bình đẳng với sinh vật khác.

Trong quan điểm hệ sinh thái, mỗi thể sinh mạng đều có quan hệ tương hỗ với các thể sinh mạng khác không có ưu thế hoặc yếm thế.

Vì sự sinh tồn của mình, con người phải hy sinh các động thực vật khác. Vì vậy con người không thể tuyệt đối tôn trọng sinh mạng khác, và với ý nghĩa đó con người không thể cộng sinh với các sinh vật khác.

Nếu như con người có quyền sinh tồn thì nó có thể được chấp nhận sát sinh ở mức tối thiểu nhưng việc sát sinh quá mức sinh tồn thì có thể coi đó là tội ác. Trong hệ sinh thái, các thể sinh mệnh có quan hệ tương hỗ, vì thế không thể chấp nhận một thể nào đó vượt lên trên đứng vào một vị trí ưu trội.

¹⁷ Morioka, *sđd*.